

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÒA BÌNH
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2021/HS-ST

Ngày: 13/7/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÒA BÌNH - TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đinh Lan Hương.

Các hội thẩm nhân dân: bà Phạm Thị Nga, bà Nguyễn Thị Lan

Thư ký phiên tòa: bà Bùi Thái Bình, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thanh Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021, tại: Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân (TAND) Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 70/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2021/QĐXX ST-HS ngày 25/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa - đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Thành L1; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 22/01/1988; Tại: Hòa Bình;

Nơi đăng ký HKTT và cư trú : Tổ 05, phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12;

Họ tên cha: Lê Văn D, Sinh năm: 1952 (đã chết);

Họ tên mẹ: Phạm Thị P, Sinh năm 1957 (đã chết);

Gia đình bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ ba.

Vợ, con: Chưa.

Tiền sự: không.

Tiền án:

- Bản án số 37/2017/HSST ngày 16/5/2017, TAND Thành phố H xử phạt 06 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản.

- Bản án 74/2018/HSST ngày 22/10/2018, TAND Thành phố H xử phạt 15 tháng tù về tội : Trộm cắp tài sản.

Nhân thân:

- Ngày 24/4/2003 bị Công an thị xã H bắt đưa vào trường giáo dưỡng.

- Bản án 123/2007/HSST ngày 26/9/2007, TAND Thành phố H xử phạt 36 tháng tù về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.
- Bản án 121/2012/HSST ngày 02/8/2012, TAND Thành phố H xử phạt 12 tháng tù về tội: tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.
- Bản án 34/2014/HSST ngày 24/4/2014, TAND Thành phố H xử phạt 24 tháng tù về tội: trộm cắp tài sản.

Trong vụ án này, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Vương Phi H1; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 11/7/1990; Tại: Hòa Bình;

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Tổ 05, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12;

Họ tên cha: Vương Đình Q, Sinh năm: 1956;

Họ tên mẹ: Nguyễn T. H; Sinh năm 1961;

Trú tại: Tổ 05, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai.

Vợ: Trần Thị H. G - sinh năm 1988

Nghề nghiệp: Lao động tự do

Nơi ở: Tổ 05, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Con: Có 01 con Vương Gia N. A sinh năm 2012.

Tiền sự:

- Ngày 03/9/2020, TAND Thành phố H, tỉnh Hòa Bình áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 15 tháng theo Quyết định số 25/2020/QĐ-TAND.

Tiền án:

- Bản án số 05/2019 ngày 05/01/2019, TAND thành phố H xử phạt 18 tháng tù giam về tội: Trộm cắp tài sản.

Nhân thân:

- Ngày 20/01/2009, Ủy ban nhân dân thành phố Hòa Bình đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc 12 tháng theo QĐ số 468/QĐ tại cơ sở cai nghiện tỉnh Hòa Bình.

(Hiện tại bị cáo Vương Phi H đang chấp hành Quyết định số 25/2020/QĐ-TAND ngày 03/9/2020 tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 tỉnh Hòa Bình).

Có mặt tại phiên tòa.

***/ Người bị hại:**

- Chị Phạm Thị A. Đ, sinh năm 1983; trú tại tổ 11, phường Đ, thành phố H. Vắng mặt.

- Bà Trịnh Thị L2, sinh năm 1953; trú tại: tại tổ 06, phường P, thành phố H. Vắng mặt.

***/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Vương Đình Q, sinh năm 1956; trú tại: Tổ 5, Phường T, Thành phố. H, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

- Chị Phạm Thị H2, sinh năm 1992, trú tại tổ 01, phường T, thành phố H. Vắng mặt.
- Chị Trần Lệ X, sinh năm 1990, trú tại tổ 02, phường Đ, thành phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 10/11/2020 đến 22/12/2020 Lê Thành L1 đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Hòa Bình, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 17 giờ 00 ngày 10/11/2020 Lê Thành L1 đi bộ từ nhà đến trước tòa nhà Công ty V thuộc xóm 9, xã S, thành phố H thì gặp Vương Phi H1 đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SYM Angel, biển kiểm soát 28F7-3220 đi đến. L1 rủ H1 đi tìm kiếm sơ hở để trộm cắp tài sản bán lấy tiền mua ma túy sử dụng, H1 đồng ý và điều khiển xe mô tô chở L1. Khi đi đến khu vực đối diện cổng chữ A, đường T thuộc xóm 9, xã S, thành phố Hòa Bình, L1 ngồi sau quan sát thấy trên hè đường dựng 01 chiếc xe đạp nhãn hiệu ASAMA, màu xanh dương (của chị Phạm Thị A. Đ, sinh năm 1983, trú tại tổ 11, phường Đ, thành phố H). L1 bảo H1 điều khiển xe mô tô áp sát vào bên phải lề đường để L1 xuống xe vào lấy trộm ắc quy xe đạp điện. H1 điều khiển xe mô tô đến gần chiếc xe đạp điện của chị Đ đứng cách khoảng 6m chờ L1. L1 xuống xe đi đến dùng tay mở yên xe, rút rắc dây điện ra khỏi bình ắc quy, sau đó cầm vào tay quay của chiếc bình ắc quy nhãn hiệu ASAMA A48, nhấc chiếc bình ra khỏi xe đạp điện rồi đi ra chỗ H1 đang chờ sẵn, ngồi lên sau xe mô tô; H1 điều khiển xe mô tô chở L1 đi đến cửa hàng thu mua phế liệu bán chiếc ắc quy cho chị Phạm Thị H2, sinh năm 1992, trú tại tổ 01, phường T thành phố H được 360.000đ (ba trăm sáu mươi nghìn đồng). Toàn bộ số tiền trên L1 và H1 đã mua ma túy sử dụng hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 187/KL-HĐĐGTS ngày 01/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố H kết luận: “01 chiếc bình ắc quy nhãn hiệu ASAMA A48 màu đen, tình trạng đã qua sử dụng, trị giá 700.000đ” (bảy trăm nghìn đồng).

Vụ thứ hai: Khoảng 09 giờ 00 ngày 22/12/2020, Lê Thành L1 đi bộ từ nhà đến nhà bà Trịnh Thị L2, sinh năm 1953 (là bác của L1) tại tổ 06, phường P, thành phố H với mục đích xin tiền bà L2. Đến nơi thấy cửa nhà không khóa, L1 gọi không thấy bà L2 trả lời, L1 tự ý đi vào trong phòng khách, quan sát thấy có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A10, màu xanh dương của bà L2 để tại bậc tam cấp cầu thang; thấy không có ai ở nhà L1 nảy sinh ý định lấy trộm chiếc điện thoại di động của bà L2 đem đi bán. L1 dùng tay trái lấy chiếc điện thoại cho vào túi quần bên trái đang mặc rồi đi ra khỏi nhà và mang chiếc điện thoại đến cửa hàng điện thoại Thanh H thuộc tổ 02, phường Đ, thành phố H bán cho chị Trần Lệ X, sinh năm 1990, trú tại tổ 02, phường Đ, thành phố H được 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng). Toàn bộ số tiền này L1 đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐGTS ngày 12/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố H kết luận: “01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A 10, màu xanh dương, số IMEI1:357966104942924, số IMEI2:

357967104942924, dung lượng 32GB, tài sản đã qua sử dụng, trị giá 1.400.000đ” (Một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Lê Thành L1 và Vương Phi H1 đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

**/ Về thu giữ và xử lý vật chứng:*

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu ANGEL, màu sơn Đỏ - Trắng, biển kiểm soát 28F7-3220, số khung: RLGXA10CD4H344606; số máy: VMEVA2344606. Tình trạng đã qua sử dụng. Là tài sản của ông Vương Đình Q đã được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SASUNG A10, màu xanh dương, số IMEI: 357366104942926, số IMEI 2: 357967104942924, dung lượng 32GB, tình trạng tài sản đã qua sử dụng đã được trả lại cho bà Trịnh Thị L2.

- 01 (một) bình ắc quy nhãn hiệu ASAMA A48, màu đen, tình trạng đã qua sử dụng đã được trả lại cho chị Phạm Thị A. Đ.

**/ Về trách nhiệm dân sự:* chị Phạm Thị H2 không yêu cầu Lê Thành L1 phải bồi thường số tiền 360.000đ. Chị Trần Lệ X yêu cầu Lê Thành L1 phải bồi thường số tiền 700.000đ.

Cáo trạng số: 66/CT- VKS ngày 20/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) Thành phố H truy tố các bị cáo Lê Thành L1, Vương Phi H1 về tội: trộm cắp tài sản theo Điểm b Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS).

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo Lê Thành L1, Vương Phi H1 đều thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản; nhất trí với nội dung Cáo trạng đã truy tố.

- Đại diện VKSND Thành phố H trình bày luận tội, giữ nguyên Cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điểm s Khoản 1 Điều 51-BLHS; Điểm g Khoản 1 Điều 52 - BLHS xử phạt bị cáo L1 từ 15 đến 18 tháng tù.

Áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điểm s Khoản 1 Điều 51-BLHS xử phạt bị cáo H1 từ 09 đến 12 tháng tù.

Trách nhiệm dân sự: đề nghị HĐXX buộc bị cáo L1 phải bồi thường cho chị Trần Lệ X 700.000đ tiền chị X mua chiếc điện thoại do L1 trộm cắp.

Về vật chứng: đã xử lý nên không đề cập.

+ Án phí và quyền kháng cáo đề nghị HĐXX tuyên theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo đều không có ý kiến tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Cơ quan CSĐT, VKSND Thành phố H, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ để khẳng định: Lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, trong thời gian khoảng 17 giờ 00 ngày 10/11/2020 và khoảng 09 giờ 00 ngày 22/12/2020 Lê Thành L1 đã lén lút 2 lần trộm cắp tài sản của hai người là chị Đ và bà L2; theo kết luận định giá tài sản số: 187/KL-HĐĐGTS ngày 01/12/2020, số 10/KL-HĐĐGTS ngày 12/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thì giá trị chiếc ác- quy trộm cắp của chị Đ là 700.000đ và giá trị chiếc điện thoại trộm cắp của bà L2 là 1.400.000đ (trong đó, có một vụ bị cáo H1 là đồng phạm với bị cáo L1 cùng tham gia trộm cắp ác - quy xe đạp điện của chị Đ). Mặc dù giá trị tài sản trộm cắp tài sản của chị Đ và bà L1 chưa đến 2.000.000đ nhưng do bị cáo L1, bị cáo H1 trước đó đều đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản mà chưa được xóa án tích nên hành vi của các bị cáo trong vụ án này đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản.

Hành vi của các bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương.

Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H truy tố các bị cáo về tội: trộm cắp tài sản theo Điểm b Khoản 1 Điều 173 – BLHS là có căn cứ pháp lý.

3] Về hình phạt:

* Xét tính chất, mức độ tham gia, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS) của từng bị cáo thấy rằng:

+ Đối với bị cáo L1 là người khởi xướng, có vai trò chính trong vụ án; có quá trình nhân thân xấu, đã bị Tòa án xét xử về các tội xâm phạm sở hữu, chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục phạm tội; trong vụ án này bị áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định điểm g Khoản 1 Điều 52 của BLHS; cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

+ Đối với bị cáo H1 trong vụ án này không có tình tiết tăng nặng TNHS theo Điều 52 - BLHS nhưng là đồng phạm giúp sức tích cực, cùng tham gia một vụ trộm cắp tài sản với bị cáo L1; bị cáo H1 cũng có quá trình nhân thân xấu, đã bị Tòa án xét xử về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích; hiện tại đang chấp hành Quyết định cai nghiện bắt buộc.

Bị cáo H1 cũng không có ý thức sửa chữa, rèn luyện, tu dưỡng bản thân nên HĐXX thấy cũng cần áp dụng hình phạt tù với mức hình phạt phù hợp nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo.

Xét các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, là tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 - BLHS nên áp dụng giảm nhẹ phần nào hình phạt cho các bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Chị Đ, bà L2, ông Q đã nhận lại tài sản.

Chị H2 không có yêu cầu bồi thường nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Chị X có yêu cầu bị cáo L1 phải bồi thường khoản tiền chị X đã trả cho L1 là 700.000đ khi mua chiếc điện thoại; HĐXX thấy việc mua bán của chị X là ngay tình nên cần buộc bị cáo L1 phải bồi thường lại khoản tiền này cho chị X là hợp lý.

[6] Xử lý vật chứng:

Vật chứng đã xử lý là phù hợp. HĐXX không đề cập.

[7] Về án phí: Bị cáo Lê Thành L1, Vương Phi H1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo L1 còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 - Bộ luật TTHS và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Quyền kháng cáo được tuyên theo quy định tại Điều 331- Bộ luật TTHS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố các bị cáo Lê Thành L1, Vương Phi H1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng Điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s, khoản 1 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52 - BLHS; Điều 58 - BLHS xử phạt bị cáo Lê Thành L1: 15 (Mười lăm) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

- Áp dụng Điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 58 - BLHS xử phạt bị cáo Vương Phi H1: 09 (Chín) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

[2] Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 - BLHS ghi nhận chị Phạm Thị A. Đ, bà Trịnh Thị L2, ông Vương Đình Q đã nhận lại tài sản. Buộc bị cáo Lê Thành L1 phải bồi thường cho chị Trần Lệ X số tiền 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày chị X có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ, nếu bị cáo L1 không bồi thường cho chị X số tiền nói trên thì hàng tháng bị cáo L1 còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 - Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 - BLTTHS và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Lê Thành L1, Vương Phi H1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Lê Thành L1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo để xét xử theo trình tự phúc thẩm; người có quyền

lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên về những nội dung trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình; quyền kháng cáo của người vắng mặt tại phiên toà được tính từ ngày được nhận hoặc tổng đạt hợp lệ Bản án.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 – Luật thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lan

Phạm Thị Nga

Đinh Lan Hương

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HB;
- VKSND Tp HB;
- VKSND tỉnh HB;
- Công an Tp HB;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Người có QL.NVLQ;
- Thi hành án HS;
- Chi cục Thi hành án DS Tp HB;
- Sở tư pháp tỉnh HB;
- UBND Phường Phương Lâm;
- Phường Tân Thịnh;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Lan Hương

